

Bản án số: 47/2022/HNST
Ngày: 28-7-2022
Vv: “Xin ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Ánh
Ông Trần Ngọc Đức

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hưng –Thẩm tra viên

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: Ông Nguyễn Hoàng Danh –
Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2022/TLST-HN ngày 25 tháng 3 năm 2022 về việc “Xin ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Nhật T, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 9, ấp An T, xã Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Long
2. Bị đơn: Chị Thái Thị Mỹ H, sinh năm 1984 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 9, ấp An T, xã Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2022 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Nhật T trình bày:

Anh Nguyễn Nhật T và chị Thái Thị Mỹ H cưới nhau vào năm 2010. Hôn nhân do đôi bên quen biết tìm hiểu nhau trước, sau đó được sự chấp thuận của gia đình đôi bên anh chị có tổ chức hôn lễ theo phong tục tại địa phương.

Anh chị có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/3/2011.

Sau khi cưới vợ chồng về sống tại ấp T, xã Ph, huyện L, tỉnh Đồng Tháp được 01 năm. Về sau vợ chồng về sống tại ấp A, xã Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm.

Vợ chồng có được một người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Tu, sinh năm 06/02/2011. Hiện cháu Tu đang ở với mẹ.

Về tài sản chung và nợ chung, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống đến thường gây gổ với nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo lẫn nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai nên anh quyết định xin ly hôn chị Mỹ H.

Nay xét thấy tình cảm anh, chị không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu giải quyết cho ly hôn với chị Thái Thị Mỹ H

Về con chung: Cháu Nguyễn Thái Mỹ Tu sinh ngày 06/02/2011, đồng ý giao cho chị Thái Thị Mỹ H nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Tu tròn 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản: không có tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Chị Thái Thị Mỹ H trình bày: Chị thống nhất với anh T về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, con chung. Giữa vợ chồng chị cũng có những mâu thuẫn nhất định, chung sống với nhau nhưng bất đồng quan điểm, hiện nay thì không còn tình cảm nữa, chị cũng đồng ý ly hôn. Nhưng hiện nay anh chị vẫn còn nợ chung và tài sản chung chưa giải quyết xong. Phần nợ và tài sản chung gồm phần hùng sà lan vợ chồng chị đầu tư chung cha mẹ chồng là ông Nguyễn Văn Hồ là 500.000.000đ, vợ chồng chị mua được nền nhà ngang 5,5m, dài 28m, tọa lạc ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long giá trị nhà đất là khoảng 800.000.000đ. Nợ chung gồm ngân hàng Agibank Tân Lược, do cha mẹ chị đứng tên vay dùm, cha chị tên Thái Công Đ, cha chị thế chấp bằng khoán vay dùm vợ chồng chị là 250.000.000đ, lãi đóng hàng tháng 2.300.000đ tiền lãi. Nợ 15 chỉ vàng 24K của mẹ ruột chị tên Võ Thị Hu. Nợ hụi bên ngoài và tiền vốn làm ăn chủ hụi tên H và tên , không biết họ tên cụ thể là khoảng 50.000.000đ, là chị đã hốt rồi đang đóng hụi chết. Vợ chồng của anh chồng Nguyễn Bá P trả số tiền chị vay dùm ngân hàng Agibank 40.000.000đ, hợp đồng vay này đang trong hạn và 20.000.000đ tiền mượn. Nhà đất để mẹ con chị ở tiếp tục, nợ thì chia đôi để trả, nợ riêng của anh chồng thì trả riêng cho chị, vì đây là tiền riêng của chị. Con chung chị đồng ý nuôi cháu Nguyễn Thị Mỹ Tu, sinh ngày 06/02/2011, đồng ý cho anh Tảo cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Tu tròn 18 tuổi.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Nhật T được ly hôn với chị Thái Thị Mỹ H, con chung giao cháu Tu cho chị H nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Tu tròn 18 tuổi. Anh T được quyền thăm con chung mà không bị ai ngăn cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: anh T không có tranh chấp nên không xem xét. Chị H có quyền khởi kiện vụ kiện tranh chấp chia tài sản khi có yêu cầu.

Án phí: buộc anh Nguyễn Nhật T nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ, anh được khấu trừ tiền tạm ứng và 300.000đ án phí nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Nhật T và chị Thái Thị Mỹ H là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Xét cuộc sống gia đình giữa anh Nguyễn Nhật T và chị Thái Thị Mỹ H không hạnh phúc, anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Anh Nguyễn Nhật T không còn mong muốn cùng chị Thái Thị Mỹ H xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Chị Thái Thị Mỹ H cũng đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Nhật T.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Nhật T, cho anh Nguyễn Nhật T được ly hôn với chị Thái Thị Mỹ H.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Nhật T đồng ý giao cháu Nguyễn Thái Mỹ T sinh ngày 06/02/2011 cho chị H nuôi dưỡng, chị H cũng đồng ý tiếp tục nuôi cháu T. Xét thấy hiện cháu Tu có cuộc sống ổn định nên việc chị H yêu cầu nuôi cháu Tu là có căn cứ nên được chấp nhận. Anh Nguyễn Nhật T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Tu tròn 18 tuổi. Anh T được quyền thăm con không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị H có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, tại quyết định số 11/QĐ-CCTLCC ngày 21/6/2022 tòa án yêu cầu chị H làm đơn phản tố gửi cho tòa án và nêu cụ thể yêu cầu đối với nợ chung và tài sản chung, đề tòa án xem xét, nhưng chị H không thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của bị đơn. Chị H có quyền khởi kiện một vụ kiện khác để yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: anh Nguyễn Nhật T phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Nhật T được ly hôn chị Thái Thị Mỹ H

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thái Mỹ T sinh ngày 06/02/2011 cho chị Thái Thị Mỹ H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Nhật T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng, cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên không đặt ra giải quyết. Chị H có quyền khởi kiện một vụ kiện tranh chấp chia tài sản nếu có yêu cầu.

Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Nhật T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0013534 ngày 25/3/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Anh Nguyễn Nhật T phải nộp thêm 300.000đ tại chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Bình Tân;
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ánh Dương